

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ kết quả khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025 tại văn bản số 3470/VKT-GXD ngày 24/11/2025 của Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo lập và quản lý chi phí đầu

tư xây dựng theo quy định tại các Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ (Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này).

1. Đơn giá ngày công của nhân công xây dựng xác định cho thời gian làm việc quy định (8 giờ/ngày, 26 ngày/tháng) theo nhóm nhân công của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng, phù hợp với trình độ tay nghề theo cấp bậc thợ nhân công trong hệ thống định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Đơn giá nhân công xây dựng đã bao gồm lương, phụ cấp lương theo đặc điểm tính chất của sản xuất xây dựng và một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định. Chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và một số khoản phải trả khác.

3. Đơn giá nhân công xây dựng trong quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được công bố tại 4 khu vực (việc phân chia khu vực thực hiện theo quy định tại khoản 1.2 mục 1 phần I Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/2/2021 của Bộ Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung tại mục 2 Phụ lục IV Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng) như sau:

+ Khu vực 1: gồm các phường: An Sinh, Đông Triều, Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế, Yên Tử, Vàng Danh, Uông Bí, Đông Mai, Hiệp Hoà, Quảng Yên, Hà An, Phong Cốc, Liên Hoà, Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy, Hà Tu, Hà Lâm, Cao Xanh, Hồng Gai, Hạ Long, Hoàn Bồ, Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3 và các xã: Quảng La, Thống Nhất, Hải Sơn, Hải Ninh, Vĩnh Thực;

+ Khu vực 2: gồm các phường Mông Dương, Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông và xã Hải Hòa;

+ Khu vực 3: gồm các xã: Tiên Yên, Điền Xá, Đông Ngũ, Hải Lạng, Quảng Tân, Đàm Hà, Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức, Cái Chiên và đặc khu Vân Đồn;

+ Khu vực 4: gồm các xã: Ba Chẽ, Hoành Mô, Lục Hồn, Bình Liêu, Kỳ Thượng, Lương Minh và đặc khu Cô Tô;

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ đặc điểm, điều kiện cụ thể của công trình để khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng theo các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của việc tính toán hoặc tham khảo giá nhân công xây dựng tại Quyết định này để quyết định việc lập, điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, đảm bảo hiệu quả đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 và thay thế Quyết định số 4745/QĐ-SXD ngày 15/11/2024 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Quy định chuyển tiếp được thực hiện theo khoản 8 Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Công thông tin Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, XD11.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Hữu Phúc

Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày / /2025 của Sở Xây dựng

TT	NHÓM	Đơn giá nhân công theo khu vực			
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
I	Nhân công xây dựng trực tiếp				
1	Nhóm 1				
	Bậc 3,5/7	285.000	281.000	268.000	278.000
2	Nhóm 2				
	Bậc 3,5/7	298.000	293.000	277.000	287.000
3	Nhóm 3				
	Bậc 3,5/7	307.000	302.000	286.000	300.000
4	Nhóm 4				
4.1	Bậc 3,5/7	362.000	354.000	321.000	335.000
4.2	Bậc 2/4	362.000	354.000	321.000	335.000
II	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp				
	Bậc 4/8	395.000	386.000	355.000	363.000
III	Nghệ nhân				
	Bậc 1,5/2	702.000	675.000	603.000	611.000
IV	Vận hành tàu thuyền				
IV.1	Thuyền trưởng (Bậc 1,5/2)	518.000	501.000	455.000	465.000
IV.2	Thuyền phó (Bậc 1,5/2)	457.000	442.000	403.000	415.000
IV.3	Thủy thủ, thợ điện, thợ máy (Bậc 2/4)	411.000	396.000	330.000	385.000
IV.4	Máy trưởng, máy 1, máy 2, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc 1, kỹ thuật viên cuốc 2 tàu sông (Bậc 1,5/2)	446.000	432.000	394.000	406.000
IV.5	Máy trưởng, máy 1, máy 2, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc 1, kỹ thuật viên cuốc 2 tàu biển (Bậc 1,5/2)	502.000	486.000	442.000	453.000
V	Thợ lặn (Bậc 2/4)	613.000	592.000	544.000	549.000